

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-CNCM ngày 26/12/2025
của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau)*

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:

- Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

- Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động và phù hợp với chiến lược sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, tay nghề, năng lực, sở trường của người lao động và nhu cầu công việc của các đơn vị, nhằm sử dụng lao động hiệu quả.

3. Đánh giá tình hình lao động năm 2025:

3.1. Số lượng lao động:

- Tổng số lao động: **254** người. Trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- + Người lao động (bao gồm BĐH) : 252 người.

Cụ thể:

TT	Tổng số lao động	Số LĐ năm 2024 chuyển sang	Số LĐ tuyển mới	Số LĐ thôi việc, nghỉ hưu	Số LĐ dự kiến đến thời điểm 31/12	Số LĐ bình quân sử dụng 2025
I	Chủ tịch HĐQT	1	0	0	1	1
II	Trưởng BKS	1	0	1	1	1
III	Người lao động (bao gồm BDH)	255	4	6	252	255
1	Ban điều hành	3			3	3
1	Phòng Tổ chức Nhân sự	16		2	15	15
2	Phòng Kế toán Tài vụ	9			9	9
3	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	43	2	1	38	42
4	Phòng Cấp nước an toàn	19			23	21
5	Phòng Kỹ thuật	13			14	13
6	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1	34			33	34
7	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2	36	1	1	36	36
8	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	17	1	1	18	17
9	Chi nhánh CN Sông Đốc	15			14	15
10	Chi nhánh CN Trần Văn Thời	5			5	5
11	Chi nhánh CN Khánh An	11			11	11
12	Chi nhánh CN Thới Bình	7			7	7
13	Chi nhánh CN Cái Đôi Vàm	8			8	8
14	Chi nhánh CN Đầm Dơi	7		1	6	7
15	Chi nhánh CN Cái Nước	6			6	6
16	Chi nhánh CN Phan Ngọc Hiển	6			6	6
	CỘNG (I + II + III)	257	4	7	254	

- Số lao động bình quân thực tế sử dụng trong năm 2025:

- + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- + Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- + Người lao động (bao gồm BDH) : 255 người.

3.2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đào tạo:

3.2.1. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Người lao động (bao gồm Ban điều hành):

- + Thạc sĩ : 04 người, tỷ lệ: 1,59 %/tổng số NLD;
- + Đại học : 109 người, tỷ lệ: 43,25 %/tổng số NLD;
- + Cao đẳng, trung cấp : 45 người, tỷ lệ: 17,86 %/tổng số NLD;
- + Lao động có tay nghề : 17 người, tỷ lệ: 6,75 %/tổng số NLD;
- + Lao động phổ thông : 77 người, tỷ lệ: 30,55 %/tổng số NLD.

3.2.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ: 18 lớp, với số lượng: 321 lượt người.

3.3. Cơ cấu lao động:

3.3.1. Theo giới tính:

- Lao động nữ : 43 người, tỷ lệ: 17,06 %/tổng số NLD;
- Lao động nam : 209 người, tỷ lệ: 82,94 %/tổng số NLD.

3.3.2. Lao động gián tiếp và trực tiếp:

- Lao động gián tiếp: 73 người, tỷ lệ: 28,97 %/tổng số NLD;
- Lao động trực tiếp: 179 người, tỷ lệ: 71,03 %/tổng số NLD.

3.3.3. Tỷ lệ lao động thôi việc:

- Số lao động thôi việc: 06 người, tỷ lệ: 2,38 %/tổng số NLD.

3.4. Hiệu quả sử dụng lao động:

3.4.1. Ưu điểm:

- Hiệu suất lao động tăng: Công ty sắp xếp, bố trí lao động theo vị trí việc làm hiệu quả; thực hiện các chỉ tiêu đạt và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

- Sử dụng nhân lực hiệu quả: Lựa chọn, bố trí người lao động phù hợp với chuyên môn, tay nghề, năng lực, sở trường và yêu cầu công việc.

- Tỷ lệ thôi việc thấp: Chủ yếu lao động lớn tuổi, sức khỏe không đảm bảo xin tự nguyện thôi việc hoặc hết tuổi lao động.

- Tuân thủ pháp luật về lao động: Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở Công ty tuyên truyền, phổ biến công tác an toàn vệ sinh lao động, tổ chức

các lớp tập huấn, trang bị bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc của người lao động; trong năm không xảy ra sự cố về an toàn lao động.

3.4.2. Hạn chế:

- Công tác quản lý, giám sát của một số lãnh đạo cấp đơn vị còn hạn chế, thiếu kỹ năng lãnh đạo dẫn đến lao động làm việc chưa đạt hiệu suất như mong muốn.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu với tình hình mới hiện nay, khả năng thích nghi với công nghệ mới còn hạn chế.

- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa đạt hiệu quả cao, thiếu chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ, thường tập trung đào tạo theo nhu cầu cấp bách.

4. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026:

4.1. Tổng số lao động:

Kế hoạch lao động năm 2026 xây dựng trên cơ sở tình hình sử dụng lao động năm 2025 và quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty, cụ thể:

Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2026 là: **262** người.

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : 01 người;
- Trưởng BKS (chuyên trách) : 01 người;
- Người lao động (bao gồm BĐH) : 260 người.

Trong đó:

- + Ban điều hành : 05 người
- + Người lao động : 255 người

(Ghi chú: Tăng 2%/lao động bình quân thực tế sử dụng năm 2025, tương đương 05 lao động).

4.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Năm 2026, theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Công ty đào tạo dài hạn, đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ hoặc nâng cao tay nghề cho người lao động, nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn,

tăng hiệu suất làm việc, đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc và phát triển bền vững Công ty.

5. Tổ chức thực hiện:

Kế hoạch này sau khi được cấp thẩm quyền thông qua, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật./.

**PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ**



Lê Nhan Quyên

**ĐD. CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ CÔNG TY**



Trần Quốc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 15/KH-CNCM ngày 26/12/2025
của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau)*

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch:

- Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

- Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

- Hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm của người lao động và Quy định trả lương, thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) năm 2024.

- Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

2. Mục tiêu:

- Xây dựng mức lương kế hoạch phù hợp với khả năng tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Mức lương phản ánh đúng giá trị công việc và sự đóng góp của người quản lý, người lao động trong Công ty.

- Phù hợp với các quy định về mức lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội bắt buộc và các chế độ, chính sách khác theo quy định của Công ty và pháp luật.

3. Quỹ tiền lương và quỹ thù lao thực hiện năm 2025 (ước thực hiện):

3.1. Quỹ tiền lương và mức tiền lương năm 2025:

3.1.1. Quỹ tiền lương của người quản lý và người lao động:

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	777,48	

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
2	Quỹ tiền lương Trưởng ban kiểm soát	01	480,48	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành):	255	43.724	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)	03	1.765	
	- Người lao động	252	41.959	
	Tổng cộng	257	44.982	

Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) bao gồm: Tiền lương thực hiện theo kế hoạch và tiền lương trích thêm do lợi nhuận thực hiện tăng so với lợi nhuận kế hoạch (lợi nhuận ước thực hiện đạt 106,55%).

3.1.2. Mức tiền lương của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương kế hoạch năm 2025 (Tr. đồng/tháng)	Mức tiền lương ước thực hiện năm 2025 (Tr. đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	58,9	64,7	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	40	
II	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	13	14,2	Mức TL bình quân
1	Tổng giám đốc	50	55,5	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	45	49,9	ĐDVNN
3	Kế toán trưởng	37,5	41,6	
4	Người lao động	12,5	13,8	

3.2. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2025:

3.2.1. Quỹ thù lao:

TT	Chức danh	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	

TT	Chức danh	Ước thực hiện 2025		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

3.2.2. Mức thù lao:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

4. Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2026:

Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2025 và dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026; tình hình sử dụng lao động năm 2025 và kế hoạch lao động năm 2026 và yêu cầu thực hiện khối lượng, chất lượng công việc của người quản lý, người lao động tại Công ty. Công ty xây dựng Kế hoạch quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2026, như sau:

4.1. Quỹ tiền lương và mức tiền lương năm 2026:

4.1.1. Quỹ tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Quỹ tiền lương Chủ tịch HĐQT	01	843,6	
2	Quỹ tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	01	436,8	
3	Quỹ tiền lương người lao động (bao gồm Ban điều hành)	260	47.214	
	- Ban điều hành (TGD, P.TGD, KKT)	05	2.844	
	- Người lao động	255	44.370	
	Tổng cộng	262	48.494	

4.1.2. Mức tiền lương của người quản lý, người lao động:

TT	Chức danh/chức vụ	Mức tiền lương (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	70,3	ĐDVNN
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát	36,4	
III	Người lao động (bao gồm Ban điều hành)	15,13	Mức tiền lương bình quân
1	Tổng giám đốc	60	ĐDVNN
2	Phó Tổng giám đốc	48	ĐDVNN
3	Phó Tổng giám đốc	45	Không ĐDVNN
4	Kế toán trưởng	39	
5	Người lao động	14,5	

4.2. Quỹ thù lao và mức thù lao năm 2026:

4.2.1. Quỹ thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Kế hoạch 2026		Ghi chú
		Số lượng (người)	Thành tiền (triệu đồng)	
1	Thành viên Hội đồng quản trị	4	384	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	96	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	1	48	
	Tổng cộng	07	528	

4.2.2. Mức thù lao của người quản lý và người lao động:

TT	Chức danh	Mức thù lao (Triệu đồng/tháng)	Ghi chú
1	Thành viên Hội đồng quản trị	8	
2	Thành viên Ban kiểm soát	4	
3	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Hội đồng quản trị	4	

5. Tổ chức thực hiện:

- Công ty trả tiền lương, thù lao cho người quản lý, người lao động theo Hệ thống thang, bảng lương theo vị trí việc làm, các quy chế, quy định trả lương, thưởng của người quản lý, người lao động và đảm bảo thời hạn trả lương đúng theo quy định của Thỏa ước Lao động tập thể.

- Trên cơ sở Quỹ tiền lương kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, hàng tháng Công ty tạm ứng 93% để chi lương cho người quản lý và người lao động. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh Công ty thực hiện quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện theo quy định và sẽ quyết toán số còn lại (nếu có) cho người quản lý, người lao động đúng thời hạn quy định.

- Kế hoạch này sau khi được cấp thẩm quyền thông qua, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật./.

**PHÒNG TỔ CHỨC
NHÂN SỰ**



Lê Nhan Quyên

**ĐD. CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ CÔNG TY**



Trần Quốc Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài

Số: 04 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả tiền lương, thù lao và tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2025 và trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

1.1. Mức tiền lương, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương		
			TL thực hiện theo kế hoạch	TL trích thêm (do LN tăng)	Tổng mức TL thực hiện
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	00	58,9	3,534	62,434
2	Thành viên HĐQT tham gia điều hành:				
	- Tổng giám đốc	08	50	03	53
	- Phó Tổng giám đốc	08	45	2,7	47,7

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương		
			TL thực hiện theo kế hoạch	TL trích thêm (do LN tăng)	Tổng mức TL thực hiện
3	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	08	00	00	00
II	Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	00	36,4	2,184	38,584
2	Thành viên BKS	04	00	00	00

1.2. Tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Tiền thưởng người quản lý bao gồm: Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT tham gia điều hành và Trưởng BKS chuyên trách:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chức danh	Tiền thưởng	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	93,651	
2	Thành viên HĐQT tham gia điều hành:		
-	Tổng giám đốc	79,5	
-	Phó Tổng giám đốc	71,55	
3	Trưởng Ban kiểm soát	57,876	

- Tiền thưởng của người lao động: Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 25/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026:

2.1. Mức tiền lương, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương
I	Hội đồng quản trị		
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	00	70,3
2	Thành viên HĐQT tham gia điều hành:		
	- Tổng giám đốc	08	60

TT	Chức danh	Mức thù lao	Mức tiền lương
	- Phó Tổng giám đốc	08	48
3	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	08	00
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng BKS (chuyên trách)	00	36,4
2	Thành viên BKS	04	00

2.2. Tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2026, người quản lý chuyên trách (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT tham gia điều hành và Trưởng BKS) được hưởng thêm tiền thưởng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Số: 01/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

I- Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

1. Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các công ty đại chúng.

2. Có đội ngũ kiểm toán viên trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với lĩnh vực hoạt động của Công ty và các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam; thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Đảm bảo độc lập, khách quan; không có xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

4. Có trách nhiệm phối hợp với Công ty trong việc trả lời các thắc mắc hoặc giải trình theo yêu cầu của cổ đông và cơ quan có thẩm quyền.

5. Mức phí dịch vụ kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

II- Danh sách các đơn vị kiểm toán được đề xuất

Căn cứ vào các tiêu chí nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho

Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn, thương thảo, ký hợp đồng 01 trong 03 đơn vị có tên sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Cụ thể:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 02 đường Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: 33 đường Phan Văn Khỏe, phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán FAC

Địa chỉ: 64/4 đường ĐHT 21, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TK, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Huyền

Số: 05 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt
tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An**

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An, trước đây Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) đã phối hợp với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng (Công ty Đức Hùng) đề xuất thực hiện dự án đầu tư, được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Nghị quyết số 06/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2024.

Ngày 11/02/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau thông báo mời thầu số IB2600064003, lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An. Theo đó, Người đại diện phần vốn nhà nước đã báo cáo xin ý kiến Chủ sở hữu cho phép Công ty liên danh với Công ty Đức Hùng tham gia đấu thầu nhà đầu tư vào ngày 08/4/2026, theo tỷ lệ vốn đầu tư dự kiến: Công ty 50%; Công ty Đức Hùng 50% (tỷ lệ này có thể thay đổi sau khi trúng thầu) và được chấp thuận.

Hiện nay, Bên mời thầu đang đánh giá hồ sơ dự thầu nhà đầu tư; sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nếu nhà thầu liên danh được trúng thầu; Công ty tiếp tục phối hợp với Công ty Đức Hùng xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An; đấu nối vào hệ thống cấp nước của Công ty thông qua đồng hồ tổng để bổ sung nguồn nước cấp phục vụ cho người dân đảm bảo an toàn, liên tục.

Thời gian thực hiện: theo tiến độ của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An.

Nguồn vốn thực hiện: từ nguồn sản xuất kinh doanh của Công ty, nguồn vốn của Công ty Đức Hùng, nguồn vốn vay ngân hàng và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: 06 /TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn

Dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn được UBND tỉnh Cà Mau cho chủ trương tại Công văn số 6200/UBND-KT ngày 19/9/2022 và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 12/QĐ-BQL ngày 09/12/2025 (điều chỉnh lần 01) và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ký quỹ số IGT2439306 ngày 29/12/2025 do ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau phát hành với giá trị bảo lãnh 1.210.200.080 đồng; theo đó, dự án được phân kỳ đầu tư gồm 03 giai đoạn như sau:

(1). Giai đoạn I: Nâng cấp, cải tạo nhà máy cấp nước Hàng Vịnh, công suất 2.950 m³/ngày đêm, thời gian thực hiện từ quý IV, năm 2025 đến quý III, năm 2026.

(2). Giai đoạn II: Thực hiện giai đoạn đầu của dự án Xây dựng mới nhà máy cấp nước Năm Căn tại vị trí Trường tiểu học 2 (diện tích 5.388,0 m²), công suất 2.950 m³/ngày đêm, thời gian thực hiện từ quý III, năm 2026.

(3). Giai đoạn III: Thực hiện giai đoạn hoàn thiện dự án Xây dựng mới nhà máy cấp nước Năm Căn trên phần đất thu hồi các hộ dân (diện tích đất 1.137,5 m²), công suất 3.050 m³/ngày đêm, thời gian thực hiện từ quý I, năm 2030.

Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (Công ty) đã hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi và trình Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Tờ trình số 05/TTr-CNCM ngày 30/12/2025. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phát sinh một số công việc như lập quy hoạch tổng mặt bằng; thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; thu hồi đất, bàn giao mặt bằng xây dựng dự án,...

Sau khi Công ty hoàn thiện các công việc phát sinh nêu trên và được cấp thẩm quyền giao mặt bằng Trường tiểu học 2 (diện tích 5.388,0 m²), Công ty

triển khai thực hiện giai đoạn I, dự kiến vào quý III, năm 2026 và thực hiện giai đoạn II, trong năm 2027.

Nguồn vốn thực hiện dự án: Nguồn thu của hệ thống cấp nước Năm Căn, tạm ứng từ nguồn sản xuất kinh doanh của Công ty, vốn vay và nguồn huy động hợp pháp khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT, BKS, BĐH Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Tấn Luật

Dự thảo

PHIẾU BIỂU QUYẾT

**Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau**

- Cổ đông/Người đại diện:
- Tổng số cổ phần biểu quyết:
- Mã số (mã đại biểu tham dự):

Cổ đông biểu quyết các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, như sau:

TT	Nội dung biểu quyết	Phương án biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo số 33/BC-CNCM ngày 08/5/2026 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026			
2	Báo cáo số 02/BC-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v tóm tắt tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán)			
3	Báo cáo số 03/BC-HĐQT ngày 08/5/2026 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch, định hướng năm 2026			
4	Báo cáo số 04/BC-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030			
5	Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08/5/2026 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026			
6	Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán)			
7	Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và cổ tức được chia năm 2025			
8	Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2026			

TT	Nội dung biểu quyết	Phương án biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
9	Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và kế hoạch năm 2026			
10	Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 08/5/2026 v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026			
11	Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 v/v đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An			
12	Tờ trình số 06/TTr-CNCM ngày 08/5/2026 v/v đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn			
13	Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (điều chỉnh năm 2026)			
14	Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (điều chỉnh năm 2026)			
15	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (điều chỉnh năm 2026)			
16	Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (điều chỉnh năm 2026)			
17	Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau			

Ghi chú:

- Quý cổ đông vui lòng đánh dấu (✓) vào ô thích hợp.
- Phiếu không hợp lệ: là phiếu không có bất cứ ý kiến nào hoặc có từ hai ý kiến trở lên.

Cà Mau, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Cổ đông/Người đại diện

(ký, ghi rõ họ tên)

.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../NQ-ĐHĐCĐ

Cà Mau, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Căn cứ Biên bản số...../BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 33/BC-CNCM ngày 08/5/2026 của Ban điều hành về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 02/BC-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc tóm tắt tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 03/BC-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch, định hướng năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 04/BC-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 5. Thông qua Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08/5/2026 của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và cổ tức được chia năm 2025 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 10. Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa nước ngọt và đường ống dẫn nước xã Khánh An (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 11. Thông qua Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 12. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 08/5/2026 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 13. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau năm 2026 (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 14. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 15. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 16. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 17. Thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau (có kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:%/tổng số cổ phần biểu quyết tham dự.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau tổ chức triển khai và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thông qua tại phiên họp ngày 29 tháng 6 năm 2026, với tỷ lệ biểu quyết:% tán thành./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty (đăng Website);
- Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Cổng thông tin DNNN;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Nội bộ Công ty;
- Lưu: VT, TK.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÓ PHẦN
CẤP NƯỚC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dự thảo

Cà Mau, ngày.....tháng.....năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2026;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu

trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty tối thiểu là 01 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

4. Đối với doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Công ty có nhiều hơn một người là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty hoặc Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 6 Quy chế này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ty tại từng thời điểm;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Chấp thuận các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người phụ trách quản trị công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức (chia, tách, sáp nhập, đổi tên, thành lập, giải thể,... các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Công ty); các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập văn phòng đại diện, công ty con, các đơn vị trực thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp); giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, phương tiện điện tử (zalo, email, ioffice,...) hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua đường thư bưu điện hoặc gửi qua phương tiện điện tử (zalo, email, ioffice,...);
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín; trường hợp gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức điện tử thì gửi trực tiếp cho Thư ký công ty và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty (thông qua Ban điều hành);
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và Báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....thángnăm 2026.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ công ty khác với những điều khoản

trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Tấn Luật



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

Dự thảo

Cà Mau, ngày.....tháng.....năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;

*Căn cứ Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày của Đại hội đồng cổ
đông Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công
ty cổ phần Cấp nước Cà Mau;*

*Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
bao gồm các nội dung sau:*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; các hoạt động khác đã được quy định hoặc chưa được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty là Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
2. Điều lệ là Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ công ty.
2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty.
4. Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4, 5, 6 Điều 16 Điều lệ công ty. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 2 Điều 15 Điều lệ công ty.
6. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ trực tiếp hoặc gửi Giấy đăng ký/Giấy ủy quyền đăng ký dự họp (theo mẫu đính kèm trong Thông báo mời họp) về Công ty.
Cổ đông đăng ký hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong Thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp.
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp.
 - Gửi Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử khác.

7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 17 Điều lệ công ty.

8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu theo điểm a khoản 1 Điều 18 Điều lệ công ty.

9. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo Điều 19 Điều lệ công ty.

10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lập và công bố thông tin theo Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm Thông báo mời họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

a) Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của cổ đông.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet,...).

c) Cách thức ghi nhận cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo khoản 3 Điều này và đã thực hiện biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử:

a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email, zalo, điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập

qua email, zalo, điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

c) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo Điều 15 Điều lệ công ty.

b) Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, zalo,... Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến.

+ Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.

+ Công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp trực tuyến.

- Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy bỏ ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy bỏ ủy quyền có hiệu lực tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy bỏ ủy quyền trực tuyến.

- Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

6. Hình thức thông qua nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được quy định tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo khoản 8 Điều này.

b) Hoặc hình thức khác do Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định.

7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận;

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp;

- Ban thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp.

b) Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:

- Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản sau.

8. Cách thức bỏ phiếu điện tử:

a) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết: **tán thành, không tán thành, không có ý kiến** đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b) Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Căn cứ Điều lệ công ty, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, cổ

đồng hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

c) Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó.

- Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó.

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh ngoài chương trình họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của cuộc họp.

- Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

9. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/ bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 9 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.

Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

12. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.

13. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng:

a) Trong thời gian Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền,...

b) Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu biết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến:

a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm Thông báo mời họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 6 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến) theo khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 4 Điều 7 Quy chế này.

5. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo Điều 17 Điều lệ công ty.

6. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 6 Điều 7 Quy chế này.

7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 7 Điều 7 Quy chế này.

8. Cách thức bỏ phiếu:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 8 Điều 7 Quy chế này.

9. Cách thức kiểm phiếu:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: Thực hiện theo khoản 8 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: Thực hiện theo khoản 9 Điều 7 Quy chế này.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 9 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty. Địa điểm tổ chức được ghi trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là địa điểm Chủ tọa có mặt; địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

12. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo Điều 21 Điều lệ công ty.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 2, khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 11. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Danh sách ứng cử viên đề bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm khi hết nhiệm kỳ.

Điều 13. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên Website công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty

1. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Am hiểu về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động tổ chức, sản xuất, kinh doanh của Công ty.

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người phụ trách quản trị công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Có đơn từ chức.

c) Vi phạm nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Công ty công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty trên website của Công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ công ty.

Điều 16. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát theo Điều 33 Điều lệ công ty.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Danh sách ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

3. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty.

b) Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị miễn nhiệm khi hết nhiệm kỳ.

Điều 19. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trên Website công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc Công ty.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty. Các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc nếu thuộc phạm vi quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì phải xin ý kiến của người đại diện theo pháp luật trước khi thực hiện và được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định (nếu cần).

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương VI HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Nguyên tắc chung

a) Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

b) Bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan trong quản trị, điều hành, giám sát; không chồng chéo, không can thiệp trái thẩm quyền.

c) Bảo đảm nguyên tắc minh bạch, kịp thời, chính xác trong trao đổi, cung cấp và xử lý thông tin.

d) Đảm bảo hiệu quả quản trị, quản lý, kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.

đ) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có trách nhiệm phối hợp với nhau để ứng phó sự cố hoặc đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

2. Nguyên tắc phối hợp riêng đối với từng cơ quan

a) Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ.

- Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm soát rủi ro về các lĩnh vực hoạt động của Công ty: tổ chức, tài chính, kinh doanh, kỹ thuật, đặc biệt kiểm soát rủi ro đối với lĩnh vực cung cấp nước sạch liên tục, an toàn và đạt chất lượng theo quy định; đưa ra cảnh báo hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

b) Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, định hướng và quyết định các vấn đề chiến lược của Công ty.

- Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày; chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách.

c) Phối hợp giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập; không can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều 28 Điều lệ công ty và quy định sau:

a) Ban kiểm soát được nhận thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát và Tổng giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Cuộc họp Ban kiểm soát:

a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm. Yêu cầu tham dự họp Ban kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).

b) Biên bản họp của Ban kiểm soát có sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

5. Trường hợp Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị thì phải gửi văn bản đến Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 28 Điều lệ công ty.

6. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng giám đốc phải lập báo cáo gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về:

- a) Kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- b) Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- c) Việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc giao thực hiện.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc điều hành sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Công ty; Ban kiểm soát giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c) Hội đồng quản trị tổ chức các đoàn kiểm tra tại Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty phải gửi quyết định kiểm tra đến Ban kiểm soát được biết. Ban kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra và phải có văn bản thông báo đến Hội đồng quản trị về việc tham gia này.

d) Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty trước 05 ngày làm việc.

Điều 23. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty

1. Đánh giá hàng năm:

a) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty và có ý kiến đối với Trưởng Ban kiểm soát.

b) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Ban kiểm soát tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

c) Mức độ đánh giá: Không hoàn thành nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Khen thưởng:

a) Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định việc trích Quỹ khen thưởng đối thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị Công ty theo quy định.

b) Căn cứ kết quả đánh giá hàng năm, Hội đồng quản trị quyết định việc chi khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, người phụ trách quản trị Công ty (nếu có).

3. Kỷ luật:

a) Thẩm quyền xử lý kỷ luật:

- Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị nếu vi phạm.

- Ban kiểm soát xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát nếu vi phạm.

- Hội đồng quản trị xem xét, quyết định kỷ luật đối với thành viên Ban điều hành và người phụ trách quản trị Công ty nếu vi phạm.

b) Hình thức xử lý kỷ luật:

Tùy theo mức độ vi phạm, xử lý kỷ luật từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Chương VII
BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau gồm 07 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 6 năm 2026.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Tấn Luật



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

Dự thảo

Cà Mau, ngày.....tháng.....năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH 14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020 QH 14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau, gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể; các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
2. “Công ty” là Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
3. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
4. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
5. “Ban Kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau.
6. “Ban điều hành”, “người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
7. Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người phụ trách quản trị công ty.
8. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
9. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
10. Thông tin nội bộ của Công ty là toàn bộ dữ liệu, tài liệu, số liệu, kế hoạch, báo cáo, hồ sơ hoặc thông tin khác do Công ty tạo ra, sở hữu hoặc quản lý mà chưa được công bố công khai.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành và người phụ trách quản trị công ty;

d) Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành và người phụ trách quản trị công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn Nhà nước và người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; Trưởng Ban kiểm soát có thể làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị miễn nhiệm khi hết nhiệm kỳ.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của

các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ty tại từng thời điểm;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các doanh nghiệp mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Kiểm soát rủi ro về các lĩnh vực hoạt động của Công ty như tổ chức hành chính, tài chính kế toán, kinh doanh, kỹ thuật; đưa ra cảnh báo hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản trị của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội

đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc lãnh đạo quản lý khác của Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

14. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

15. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

16. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

17. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

18. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

19. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

20. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan.

21. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật.

22. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

23. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

24. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

25. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

26. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

27. Được tham dự các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp.

28. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, các đơn vị trực thuộc; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và người lao động của Công ty trong giờ làm việc.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Toàn bộ chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này do Công ty thanh toán.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện đơn vị Kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành công ty khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

7. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu cổ phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

6. Giao dịch giữa Công ty với thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban điều hành Công ty; là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Ban điều hành thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định pháp luật có liên quan.

2. Kết quả kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy chế này (nếu có).

Điều 23. Mối quan hệ với kiểm toán nội bộ

Thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với kiểm toán nội bộ theo Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 24. Sửa đổi, bổ sung**

1. Trong trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty có sự thay đổi, Ban kiểm soát tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi điều chỉnh và bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do Ban kiểm soát chủ trì soạn thảo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai và thực hiện Quy chế này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quy chế để phối hợp thực hiện.

Điều 26. Hiệu lực thi thành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau gồm có 07 Chương và 26 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ban kiểm soát ban hành.

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Mỹ Huyền